

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2022/HS-PT

Ngày: 30/9/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Trung Hiếu**.

Ông **Trương Vĩnh Hữu**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Đỗ Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 166/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Võ Văn C và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Võ Văn C, Lê Văn C1, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ và Bùi Thị Trúc A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn C, sinh năm 1987, tại Tiền Giang. Địa chỉ: ấp Hữu B, xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn D và bà Nguyễn Thị N; vợ Mai Thị Thúy H, có 02 con (nhỏ 02 tuổi, lớn 12 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 02/3/2021.

2. Lê Văn C1, sinh năm 1976, tại Tiền Giang. Địa chỉ: ấp Vĩnh B, xã Vĩnh K, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Huỳnh Thị K; vợ Nguyễn Thị Thúy L, có 02 con (nhỏ 20 tuổi, lớn 22 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 06/5/2021.

3. Nguyễn Anh T, sinh năm 1993, tại Tiền Giang. Địa chỉ: ấp Quý C, xã Nhị Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị B; tiền án: không; tiền sự: 01 lần, năm 2020 bị

Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; nhân thân năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện C phạt 02 năm tù về tội “giao cấu với trẻ em”, chấp hành xong năm 2014; bị bắt từ ngày 08/2/2021.

4. Lê Quang T1, sinh năm 1980, tại Tiền Giang. Địa chỉ: ấp Quí C, xã Nhị Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Lê Thị T; vợ Nguyễn Thị Cẩm T, có 03 con (nhỏ 05 tuổi, lớn 14 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 26/8/2021.

5. Nguyễn Văn H, sinh năm 1982, tại Tiền Giang. Địa chỉ: 24/488, khu phố 2, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị L; vợ Trần Lê Thanh T, có 02 con (nhỏ 09 tuổi, lớn 12 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 12/3/2021 đến ngày 07/8/2021.

Nhân thân:

- Ngày 10/3/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tuyên phạt 07 (bảy) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (theo Bản án số 19/2005/HSST), chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/4/2009; đã được xóa án tích.

- Ngày 26/11/2018, bị Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc (theo Quyết định số 654/QĐ-XPHC); đã thi hành xong.

6. Võ Kiều N, sinh năm 1969, tại Cà Mau. Địa chỉ: ấp Hà Phúc U, xã Biển B, huyện Thới B, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (chết) và bà Lê Thị M; chồng Sơn Văn L, có 01 con, 27 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 04/02/2021 đến ngày 24/6/2021.

7. Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1975, tại Tiền Giang. Địa chỉ: ấp Bình K, xã Bình Phục N, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha vô danh, mẹ Phạm Thị H (chết); chồng Bùi Anh T, có 02 con (nhỏ 22 tuổi, lớn 23 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

8. Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1971, tại Long An. Địa chỉ: ấp Tân C, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M (chết) và bà Trương Thị T (chết); chồng Nguyễn Văn B, có 01 con 22 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

9. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964, tại Tiền Giang. Địa chỉ: 11C/14, Trần Nguyên H, phường T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình

độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị T (chết); chồng Cao Quốc H, có 01 con, 30 tuổi; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

10. Bùi Thị Trúc A, sinh năm 1975, tại Tiền Giang. Địa chỉ: 321, khu phố 2, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quang D và bà Nguyễn Thị Tuyết H; chồng Bùi Văn T, có 03 con (nhỏ 08 tuổi, lớn 18 tuổi); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

Ngoài ra, trong vụ án có 18 (mười tám) bị cáo và 21 (hai mươi một) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 03/02/2021, từ khoảng 11 giờ thì sới bạc bắt đầu hoạt động; có tổng cộng 07 ca tài xỉu được đăng ký trước với nhóm tổ chức để sắp xếp. Trước khi bị phát hiện, đã diễn ra xong 05 ca lắc tài xỉu; đến ca thứ 6 do bị cáo Huỳnh Vũ L làm cái đang diễn ra thì bị bắt quả tang; ca thứ 7 chưa diễn ra.

Đến 18 giờ cùng ngày, bị cáo L nhận ca lắc tài xỉu thứ 6. Khi đến sới bạc, bị cáo L mang theo số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để chung cho con bạc (trong trường hợp thua cược). Khi vào nhận ca, bị cáo L là người trực tiếp lắc xí ngầu (làm cái) cùng bị cáo Võ Hoàng Minh Đ1 và đối tượng tên thường gọi là Tr giúp sức (làm vĩ). Do Tr không rành làm vĩ, giúp sức không hiệu quả nên bị cáo Nguyễn Văn H đề nghị với bị cáo L cho bị cáo H làm vĩ thì bị cáo L đồng ý. Bị cáo L đưa toàn bộ số tiền trên cho bị cáo Đ1 giữ, bị cáo Đ1 lấy ra khoảng 10.000.000 (mười triệu) đồng đưa cho bị cáo H. Tiền đánh bạc gồm số tiền đánh bạc của bị cáo L đưa và số tiền thu được từ con bạc khi thua cược được các bị cáo Đ1, Hiền để trên chiếu bạc trong suốt quá trình diễn ra ca tài xỉu cho đến khi bị Công an phát hiện.

Trong ca lắc tài xỉu của bị cáo L, những người tham gia đặt cược gồm:

- Bị cáo Võ Kiều N: Đặt cược 06 ván ở ca tài xỉu của bị cáo L với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, khi thua hết số tiền trên thì bị cáo N không chơi tiếp, ở gần sới bạc để quan sát; toàn bộ số tiền mà bị cáo N đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Thị Đ: Đặt cược nhiều ván ở ca tài xỉu của bị cáo L nhưng không nhớ bao nhiêu lần; số tiền đã bỏ ra đặt cược là 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng; toàn bộ số tiền mà bị cáo Đ đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Thị Nh: Đặt cược nhiều ván ở ca tài xỉu của bị cáo L nhưng không nhớ bao nhiêu lần; toàn bộ số tiền đánh bạc của bị cáo Nh nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang; số tiền có căn cứ sẽ dùng vào việc đánh bạc nếu không bị phát hiện là 9.000.000 (chín triệu) đồng; toàn bộ số tiền mà bị cáo Nh đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Nguyễn Thị Ngọc H1: Đặt cược nhiều ván (07 - 08 ván) ở ca tài xỉu của L với số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng; toàn bộ số tiền mà H1 đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Bị cáo Nguyễn Trường Kh: Đặt cược nhiều ván (07 – 10 ván) ở ca tài xỉu của bị cáo L với số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng; toàn bộ số tiền mà bị cáo Kh đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Bị cáo Bùi Thị Trúc A: Đặt cược nhiều ván (04 – 5 ván) ở ca tài xỉu của bị cáo L, số tiền đặt cược theo lời khai của bị cáo Trúc A là 1.000.000 (một triệu) đồng, nhưng số tiền có căn cứ sẽ dùng vào việc đánh bạc nếu không bị phát hiện là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng; toàn bộ số tiền mà bị cáo Trúc A đã đặt cược đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

Ngoài ra, có những người tham gia đặt cược trong ca tài xỉu của bị cáo L nhưng đã nghỉ, ra về trước khi bị phát hiện; không có cơ sở để xác định danh tính; nhưng số tiền đặt cược của những người này đều nằm trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, Tiểu đoàn 3 – Trung đoàn Cảnh sát cơ động Tây Nam Bộ - Bộ Công an (E29 – K02) phối hợp cùng Phòng Cảnh sát Cơ động - Công an tỉnh Tiền Giang (PK20) và Công an huyện Châu T phát hiện tại phần đất của bà Huỳnh Thị Kim L (sinh năm 1966) có nhiều đối tượng đang tụ tập đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức lắc tài xỉu. Nên lực lượng Công an đã bao vây, khống chế, lập biên bản phạm tội quả tang số tiền có trên chiếu bạc là 104.959.000 (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn) đồng và 12 người đang có mặt tại hiện trường gồm: Phạm Kiều D; Tạ Trung Tr; Võ Thị N; Võ Hoàng Minh Đ1; Nguyễn Trường Kh; Nguyễn Thị Ngọc H1; Nguyễn Thị Nh; Nguyễn Thị Đ; Bùi Thị Trúc A; Nguyễn Văn T2; Nguyễn Văn B và Nguyễn Duy Ph.

Từ kết quả thu được trong các tài liệu trên, đã xác định ngoài sới bạc ngày 03/02/2021 bị phát hiện, thì trước đó các bị cáo trong nhóm tổ chức còn tổ chức nhiều sới bạc tài xỉu ở nhiều địa điểm khác nhau. Cụ thể như sau:

** Về địa điểm của các sới bạc trước ngày 03/02/2021:*

- Sới bạc tổ chức vào ngày 28/01/2021 và 29/01/2022: Được tổ chức trên phần đất của bị cáo Trần H2 (tên thường gọi: L) tại ấp Long Tr, xã Bàn L, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo H2 cho thuê địa điểm tổ chức đánh bạc 02 ngày tổng cộng Bị cáo H2 thu lợi bất chính với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Bị cáo H2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi bất chính trên cùng các vật dụng sử dụng vào việc đánh bạc.

- Sỏi bạc tổ chức vào ngày 30/01/2021 và 31/01/2021: Được tổ chức trên phần đất của bị cáo Nguyễn Hoàng H3 tại ấp Long Tr, xã Bàn L, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo H3 cho thuê địa điểm tổ chức đánh bạc 02 ngày thu lợi bất chính 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Ngoài ra, vào tháng 11/2020 (âm lịch), Bị cáo H3 cho thuê địa điểm tổ chức có tổ chức đánh bạc trên đất của Bị cáo H3 với số tiền 850.000 (tám trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng, Bị cáo H3 thu lợi bất chính với số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng. Bị cáo H3 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi bất chính trên cùng các vật dụng sử dụng vào việc đánh bạc.

- Sỏi bạc tổ chức vào ngày 01/02/2021: Được tổ chức trên phần đất của bị cáo Nguyễn Văn Ng (tên thường gọi: Tám B) tại ấp Long Tr, xã Bàn L, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang. Bị cáo Ng cho thuê địa điểm tổ chức đánh bạc với số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Ngoài ra, trong năm 2020 Bị cáo Ng cho thuê địa điểm đánh bạc trên đất của Ng trong 04 ngày với số tiền là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Tổng cộng, Bị cáo Ng thu lợi bất chính với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng. Bị cáo Ng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi bất chính trên cùng các vật dụng sử dụng vào việc đánh bạc.

- Sỏi bạc tổ chức vào ngày 02/02/2021: Được tổ chức trên phần đất thuộc quyền sử dụng của Võ Thanh Ph (sinh năm 1976) là con nuôi bà Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1957, nơi cư trú: Ấp Hữu B, xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang). Phần đất này trước đây thuộc quyền sử dụng của Nguyễn Văn K (tên thường gọi: Khánh B, sinh năm 1983, ngụ cùng ấp). Sau đó K đã chuyển quyền sử dụng phần đất này cho bà H4; bà H4 sau đó cho lại con nuôi là anh Ph.

Vật chứng, đồ vật được tạm giữ, xử lý như sau:

* *Vật chứng, đồ vật thu giữ khi phát hiện quả tang:*

- Số tiền Việt Nam: 104.959.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng), thu giữ trên chiếu bạc tài xỉu.

- 01 đồng hồ treo tường màu trắng, trên mặt đồng hồ có ghi chữ “QUART 2”.

- 44 (bốn mươi bốn) lá bài tây đã qua sử dụng.

- 01 (một) bàn cờ cá ngựa bằng nhựa màu vàng.

- 01 (một) gói ni-lon trong suốt bên trong có 04 đầu ngựa bằng nhựa màu vàng, 04 đầu ngựa bằng nhựa màu xanh dương.

- 01 (một) gói ni-lon trong suốt bên trong có 04 đầu ngựa bằng nhựa màu đỏ, 04 đầu ngựa bằng nhựa màu xanh lá cây.

- 02 (hai) hột xí ngầu.

- 46 (bốn mươi sáu) thẻ bằng nhựa tròn màu trắng, có ghi số màu xanh bên trên.

- 32 (ba mươi hai) thẻ bằng nhựa tròn màu trắng, có ghi số màu đỏ bên trên.

- 01 (một) cây rọi hột xí ngầu màu đen, trên thân có ghi chữ “GP-POINTER”.

- 01 (một) cái đĩa sứ màu trắng.
- 01 (một) hộp hình trụ tròn, mặt ngoài màu đen, mặt trong màu đỏ, trên mặt trụ có ghi chữ “BMW”, bên trong có 02 hạt xí ngầu.
- 01 (một) đoạn đá nam châm màu trắng dài 6cm, ngang 2,5cm, cao 0,5cm.
- 01 (một) hộp kim loại có nắp đậy cao 23cm, ngang 15,5cm màu đỏ vàng, có chữ “Bánh Quy”.
- 01 (một) tấm gạch hình chữ nhật kích thước (30x18) cm màu trắng xám đen.
- 01 (một) tấm bạt màu xanh đã cũ kích thước (3x3,8) m.
- 01 (một) tấm nhựa màu trắng, đỏ, xanh, đen có kích thước (2,1x2,62) m, có ghi nhiều số và chữ bên trên.
- 01 (một) tấm nhựa màu trắng đỏ, xanh, đen có kích thước (1,57x1,1) m, có ghi nhiều số và chữ bên trên.
- 05 (năm) quyển tập học sinh và 09 (chín) tờ giấy có chữ ký xác nhận của Tạ Trung Tr.
- 07 (bảy) cái võng vải dù màu xanh.
- 01 (một) ấm điện.
- 01 (một) cân đồng hồ loại 05kg.
- 06 (sáu) bóng đèn điện chiếu sáng.
- 01 (một) phích điện loại 10m.
- 49 (bốn mươi chín) xô nhựa màu xanh.
- 10 (mười) chén nhựa màu xanh.
- 22 (hai mươi hai) muỗng kim loại màu trắng.
- 34 (ba mươi bốn) chiếc đũa bằng gỗ.
- 30 (ba mươi) cái ghế nhựa thấp màu đỏ, cao 26 cm.
- 06 (sáu) cái ghế nhựa thấp màu xanh, cao 26 cm.
- 16 (mười sáu) cái ghế nhựa màu đỏ, cao 45 cm.
- 03 (ba) cái bàn nhựa màu đỏ, có kích thước (60x43,5) cm, cao 50 cm.
- 01 (một) cái bàn nhựa màu xanh, có kích thước (60x43,5) cm, cao 50 cm.
- 01 (một) tấm lưới nhựa màu đen loại cách nhiệt kích thước (5,7x7,6) m.
- 01 (một) tấm che do nhiều bao ni lông ghép lại có kích thước (1,2x3,2) m.
- 01 (một) đoạn dây điện màu xanh dài 10m.
- 02 (hai) đoạn dây điện màu vàng dài 15m và 100m.
- 13 (mười ba) điện thoại di động các loại. Trong đó, đã xác định được chủ sở hữu của 10 (mười) điện thoại di động (*được trình bày ở phần các đồ vật thu giữ trong quá trình điều tra*).

- 19 (mười chín) xe mô tô hai bánh các loại có biển số: 63V4-5064; 59C1-100.82; 63X8-2982; 63B3-773.86; 63H8-5110; 71K4-0209; 63B2-568.09; 59S1-810.73; 52N2-4049; 70K7-4020; 51T8-2095; 94D1-419.89; 63B2-789.20; 63F3-7114; 63B8-253.59; 63B9-991.39; 63B2-793.20; 63B2-693.65; 63X3-0973. Trong đó xác định:

+ Xe biển số 70K7-4020 của Tạ Trung Tr sử dụng, xe này bị cáo mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

+ Xe biển số 94D1-419.89 của Phạm Kiều D sử dụng, xe do bị cáo đứng tên chủ sở hữu.

+ Xe biển số 51T8-2095 của Nguyễn Văn T2, xe do bị cáo mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

+ Xe biển số 52N2-4049 của Nguyễn Văn T4 sử dụng; xe này là của cha ruột Nguyễn Văn T4 là ông Nguyễn Thanh H5 (sinh năm 1979, nơi cư trú: Ấp Mỹ Đ, xã Mỹ L, huyện C, tỉnh Tiền Giang) mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

+ Xe biển số 63B9-991.39 của Lê Quang T1 sử dụng, xe này bị cáo mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

+ Xe biển số 63B2-793.20 của Bùi Thị Trúc A sử dụng, do bị cáo đứng tên chủ sở hữu.

+ Xe biển số 63B2-789.20 của Nguyễn Văn H sử dụng, bị cáo mượn xe này của anh Lê Văn Minh D1 (sinh năm 1990, nơi cư trú: Số 356, Nguyễn Công B, khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang).

+ Xe biển số 63B2-568.09 của bị cáo Nguyễn Trường Kh sử dụng, xe này do vợ của bị cáo là chị Bùi Thị Diễm T5 (sinh năm 1995, nơi cư trú: Số 249/2, khu 2, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) đứng tên sở hữu.

+ Xe biển số 63B3-773.86 của bị cáo Hồ Văn Q sử dụng đưa rước con bạc, xe do cha ruột bị cáo là ông Hồ Văn S (sinh năm 1970, nơi cư trú: Ấp Hữu L, xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang) đứng tên sở hữu.

+ Xe biển số 63H8-5110 của bị cáo Ngô Thành L1 sử dụng đưa rước con bạc, xe do bị cáo mua lại của người khác nhưng không làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

** Vật chứng, đồ vật tạm giữ trong quá trình điều tra:*

- *Tạm giữ của chị Nguyễn Ngọc Lan T3 (sinh năm 1982, nơi cư trú: Số 26A, khu phố B, phường Đông Hưng T, quận M, TP. Hồ Chí Minh), là em ruột của bị cáo Nguyễn Tuấn L2: Số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, đây là tiền thu lợi bất chính của bị cáo Tuấn L2.*

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Anh T:

01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen, loại bàn phím số, số IMEI1: 810103600137355, số IMEI2: 810104600137355, có gắn một sim số 0868948781. Đây là điện thoại di động của gia đình bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của chị Nguyễn Thị Thúy L (sinh năm 1982), là vợ bị cáo Lê Văn CI:*

+ 01 xe mô tô hai bánh gắn biển số 51F9-0816, kiểu dáng Dream, màu xanh; kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe;

+ Số tiền 1.840.000 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng);

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, bàn phím số, số IMEI 1: 353115110511952, số IMEI 2: 353115115511957, bên trong có gắn sim số 0968084319.

Đây là tiền thu lợi bất chính và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Phan Trung KI:*

+ Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím số, số IMEI: 352885106032558 (điện thoại không gắn sim).

Đây là tiền thu lợi bất chính và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Võ Hoàng Minh ĐI:*

+ Số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, số IMEI: 359929/07/218308/7 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Võ Văn C:*

Số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng) do vợ của bị cáo Võ Văn C là chị Lại Thị Thúy H (sinh năm 1983) giao nộp. Đây là số tiền thu lợi trong việc tổ chức đánh bạc bị cáo tự nguyện giao nộp, liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Tạ Trung Tr:*

+ Số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím, vỏ màu đen, số seri 1: 353163112418016, số seri 2: 353163113418015;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đen, số IMEI 1: 353903102887930, số IMEI 2: 353903102639653 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của chị Huỳnh Thị Hoàng D (sinh năm 1990, nơi cư trú: Ấp Hữu Hòa, xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang), là vợ của bị cáo Nguyễn Quốc T5: Số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, là tiền thu lợi bất chính của T5.*

- *Tạm giữ của chị Bùi Thị Kim Th (sinh năm 1981, là vợ của bị cáo Nguyễn Văn M):*

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím số, số IMEI 1: 352885100272788, số IMEI 2: 352885101272787, có gắn sim số 0979447237;

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Dream, hiệu Havico, màu đỏ, số máy 06489, số khung 06489, gắn biển số 63R1-4923;

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số 63R1-4923.

Đây là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo M, chị Th giao nộp cho Cơ quan điều tra.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T2:*

+ Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), đây là tiền cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội;

+ 01 cây thang bằng kim loại, màu bạc đã rỉ sét, có 10 bậc, chiều dài 04 mét, nơi rộng nhất 56cm, nơi hẹp nhất 35cm, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Phạm Kiều D:*

+ Số tiền 9.300.000đ, trong đó 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) do anh Trương Công B (sinh năm 1991, nơi cư trú: Ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng), là bạn của bị cáo Phạm Kiều D giao nộp và 4.600.000đ của bị cáo D bị thu giữ tại sới bạc. Trong đó, có 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) là tiền bán số tự giữ lại theo thỏa thuận vào ngày 03/02/2021; 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là tiền đánh bạc có được; 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) là tiền cá nhân.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số seri: C39RD1N5GRX4 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang): Đây là tài sản cá nhân không liên quan hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Nh:*

+ Số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím số, số IMEI: 353149117823888 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Đây là các tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Võ Kiều N:*

Số tiền 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Trường Kh:*

+ Số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ - đen (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Đây là các tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1:*

+ Số tiền 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng);

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím số, số IMEI: 352879103090115 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Đối với số tiền liên quan đến hành vi phạm tội; điện thoại di động là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị D:*

01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri C39PHG6HG5MP (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang). Đây là tài sản cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Bùi Thị Trúc A:*

+ Số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, số seri G6TVP5NHJCL6 (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

Số tiền liên quan hành vi phạm tội; riêng điện thoại di động tài sản cá nhân.

- *Tạm giữ của bị cáo Hồ Văn Q:*

Số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền thu lợi khi thực hiện hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Ngô Thành L1:*

Số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), là tiền thu lợi khi thực hiện hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn T6:*

Số tiền 550.000 đồng (Năm trăm năm mươi nghìn đồng), là tiền thu lợi khi thực hiện hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Trúc P1:*

+ Số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63V9-0363, số máy 2004594, số khung 004594;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím số, số seri: 355666/82/311/315/3 (không gắn thẻ sim). Đây là số tiền thu lợi khi thực hiện hành vi phạm tội và tài sản liên quan đến hành vi phạm tội.

- *Tạm giữ của Nguyễn Duy Ph:*

+ Số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng (thu giữ trong biên bản bắt người phạm tội quả tang).

- *Tạm giữ của Nguyễn Văn B:*

+ Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, loại cảm ứng, màu đen.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Ng:*

+ 01 (một) tấm bạt có một mặt màu xanh, một mặt màu vàng, kích thước (12 x 24) mét đã qua sử dụng. Đây là vật dùng cho sỏi bạc tổ chức trên đất của Bị cáo Ng.

+ Số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, là tiền thu lợi bất chính của Bị cáo Ng.

- *Tạm giữ của bị cáo Trần H2:*

+ 23 (hai mươi ba) bội nhót gà bằng kẽm.

+ 01 (một) tấm bạt màu xanh – vàng, kích thước (10 x 20) m, đã qua sử dụng, đây là vật dùng cho sỏi bạc tổ chức trên đất của Bị cáo H2.

+ Số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, là tiền thu lợi bất chính của Bị cáo H2.

- *Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Hoàng H3:*

+ Số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng, là tiền thu lợi bất chính của Bị cáo H3.

+ 01 (một) cái xẻng (loại sấn đất), cán bằng kim loại dài 92cm, lưỡi kích thước (08 x 05) cm và 01 (một) tấm bạt một mặt màu xanh, một mặt màu vàng, kích thước (10 x 10) m, đã qua sử dụng; là vật dùng cho sỏi bạc tổ chức trên đất của H.

Các vật chứng, đồ vật còn tạm giữ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKSCT ngày 13/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo:

Võ Văn C, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Quốc T5, Hà Hữu T7, Lê Quang T1, Nguyễn Văn M, Phạm Kiều D, Tạ Trung Tr, Nguyễn Anh T, Lê văn C1, Hồ Văn Q, Ngô Thành L1, Phan Trung K1, Nguyễn Trúc P1, Nguyễn Văn T6 về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Huỳnh Vũ L, Võ Hoàng Minh Đ1 và Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Hoàng H3, Trần H2 về tội “Gá bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Trường Kh, Bùi Thị Trúc A, Võ Kiều N về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2022/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Quốc T5, Hà Hữu T7, Lê Quang T1, Nguyễn Văn M, Phạm Kiều D, Tạ Trung Tr, Nguyễn Anh T, Lê văn C1, Hồ Văn Q, Ngô Thành L1, Phan Trung K1, Nguyễn Trúc P1, Nguyễn Văn T6 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T2, Trần H2, Nguyễn Hoàng H3, Nguyễn Văn Ng phạm tội “Gá bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Vũ L, Võ Hoàng Minh Đ1 và Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường Kh, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A, phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử:

- Phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L2 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 08/9/2021.

- Phạt bị cáo Võ Văn C 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 02/3/2021.

- Phạt bị cáo Hà Hữu T7 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 07/9/2021.

- Phạt bị cáo Lê văn C1 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 06/5/2021.

- Phạt bị cáo Lê Quang T1 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 26/8/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tạ Trung Tr 05 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 04/02/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 08/02/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T5 05 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 05/9/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s, t khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Kiều D 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 04/02/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 02 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 12/7/2021.

- Xử phạt Hồ Văn Q 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 14/5/2021 đến ngày 22/5/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trúc P1 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh K huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Phan Trung K1 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Đ, huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Ngô Thành L1 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Đ, huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T6 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù của bản án số 130/2021/HS-ST ngày 24/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 03/8/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Huỳnh Vũ L 01 năm 03 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cái B tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Võ Hoàng Minh Đ1 01 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cái B tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến 07/8/2021.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng 01 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bàn L huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 01 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Đ, huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần H2 01 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bàn L huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H3 01 năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Bàn L, huyện Châu T tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Áp dụng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Trường Kh 01 năm 06 tháng tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 03/8/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã C tỉnh Tiền Giang quản lý giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322, điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Kiều N 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 24/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án trừ thời hạn tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Trúc A 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 29/4/2021.

Áp dụng Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Tịch thu, tiêu hủy:* 01 (một) đồng hồ treo tường màu trắng, trên mặt đồng hồ có ghi chữ “QUART 2”; 44 (bốn mươi bốn) lá bài tây đã qua sử dụng; 01 (một) bàn cờ cá ngựa bằng nhựa màu vàng; 01 (một) gói ni-lon trong suốt bên trong có 04 đầu ngựa bằng nhựa màu vàng, 04 đầu ngựa bằng nhựa màu xanh dương; 01 (một) gói ni-lon trong suốt bên trong có 04 đầu ngựa bằng nhựa màu đỏ, 04 đầu ngựa bằng nhựa màu xanh lá cây; 02 (hai) hột xí ngầu; 46 (bốn mươi sáu) thẻ bằng nhựa tròn màu trắng, có ghi số màu xanh bên trên; 32 (ba mươi hai) thẻ bằng nhựa tròn màu trắng, có ghi số màu đỏ bên trên; 01 (một) cây rọi hột xí ngầu màu đen, trên thân có ghi chữ “GP-POINTER”; 01 (một) cái đĩa sứ màu trắng; 01 (một) hộp hình trụ tròn, mặt ngoài màu đen, mặt trong màu đỏ, trên mặt trụ có ghi chữ “BMW”, bên trong có 02 hột xí ngầu; 01 (một) đoạn đá nam châm màu trắng dài 6cm, ngang 2,5cm, cao 0,5cm; 01 (một) hộp kim loại có nắp đậy cao 23cm, ngang 15,5cm màu đỏ vàng, có chữ “Bánh Quay”; 01 (một) tấm gạch hình chữ nhật kích thước (30x18) cm màu trắng xám đen; 01

(một) tấm bạt màu xanh đã cũ kích thước (3x3,8) m; 01 (một) tấm nhựa màu trắng, đỏ, xanh, đen có kích thước (2,1x2,62) m, có ghi nhiều số và chữ bên trên; 01 (một) tấm nhựa màu trắng đỏ, xanh, đen có kích thước (1,57x1,1) m, có ghi nhiều số và chữ bên trên; 07 (bảy) cái võng vải dù màu xanh.

- 01 (một) tấm bạt có một mặt màu xanh, một mặt màu vàng, kích thước (12 x 24) (thu của Bị cáo Ng); 01 (một) tấm bạt màu xanh – vàng, kích thước (10 x 20) m (thu của Bị cáo H2); 01 (một) cái xẻng (loại sản đất), 01 (một) tấm bạt một mặt màu xanh, một mặt màu vàng, kích thước (10 x 10) m (thu của Bị cáo H3):

- *Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:* Số tiền Việt Nam: 104.959.000 đồng (một trăm lẻ bốn triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng).

01 (một) âm điện; 01 (một) cân đồng hồ loại 05kg; 06 (sáu) bóng đèn điện chiếu sáng; 01 (một) phích điện loại 10m; 49 (bốn mươi chín) tô nhựa màu xanh; 10 (mười) chén nhựa màu xanh; 22 (hai mươi hai) muỗng kim loại màu trắng; 34 (ba mươi bốn) chiếc đũa bằng gỗ; 30 (ba mươi) cái ghế nhựa thấp màu đỏ, cao 26 cm; 06 (sáu) cái ghế nhựa thấp màu xanh, cao 26 cm; 16 (mười sáu) cái ghế nhựa màu đỏ, cao 45 cm; 03 (ba) cái bàn nhựa màu đỏ, có kích thước (60x43,5) cm, cao 50 cm; 01 (một) cái bàn nhựa màu xanh, có kích thước (60x43,5) cm, cao 50 cm; 01 (một) tấm lưới nhựa màu đen loại cách nhiệt kích thước (5,7x7,6) m; 01 (một) tấm che do nhiều bao ni lông ghép lại có kích thước (1,2x3,2) m; 01 (một) đoạn dây điện màu xanh dài 10m; 02 (hai) đoạn dây điện màu vàng dài 15m và 100m; 01 cây thang bằng kim loại, màu bạc đã rỉ sét, có 10 bậc, chiều dài 04 mét (thu của bị cáo Tú); 23 (hai mươi ba) bọ nhốt gà bằng kẽm (thu của Bị cáo H2); Xe mô tô biển số 63R1-4923 và giấy chứng nhận đăng ký xe 63R1-4923; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, bàn phím số, số IMEI 1: 353115110511952, số IMEI 2: 353115115511957; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím số, số IMEI: 352885106032558; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím, vỏ màu đen, số seri 1: 353163112418016, số seri 2: 353163113418015; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám đen số IMEI 1: 353903102887930, số IMEI 2: 353903102639653; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím số, số IMEI 1: 352885100272788, số IMEI 2: 352885101272787, có gắn 01 thẻ sim số 0979447237; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím số, số seri: 355666/82/311/315/3; Số tiền 100.000.000 đồng do chị Nguyễn Ngọc Lan T3 giao nộp cho bị cáo L2; Số tiền 1.840.000 đồng do chị Nguyễn Thị Thúy L giao nộp cho bị cáo C1; Số tiền 400.000 đồng do Phan Trung K1 giao nộp; Số tiền 90.000.000 đồng do chị Lại Thị Thúy H giao nộp thay cho bị cáo C; Số tiền 4.700.000 đồng do anh Trương Công B giao nộp cho bị cáo D, số tiền 4.600.000 đồng thu giữ của bị cáo D; Số tiền 9.000.000 đồng thu của Nguyễn Thị Nh; Số tiền 1.900.000 đồng thu của Nguyễn Thị Ngọc H1; Số tiền 6.500.000 đồng thu của Bùi Thị Trúc A; Số tiền 550.000 đồng do Hồ Văn Q giao nộp; Số tiền 1.000.000 đồng do Ngô Thành L1 giao nộp; Số tiền 550.000 đồng do Nguyễn Văn T6 giao nộp; Số tiền 600.000 đồng do Nguyễn Trúc P1 giao nộp; số tiền 2.000.000 đồng do Huỳnh Thị Hoàng D nộp thay cho bị cáo Nguyễn Quốc

T5; số tiền 800.000đ của bị cáo Nguyễn Văn Ng giao nộp; số tiền 1.400.000đ của bị cáo Nguyễn Hoàng H3 giao nộp; số tiền 1.000.000đ của bị cáo Trần H2 giao nộp; Số tiền 53.400.000đồng do chị Nguyễn Thị Cẩm T nộp thay cho bị cáo Lê Quang T1 theo biên lai thu số 0003762 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Tiền Giang; Số tiền 11.750.000 đồng do chị Bùi Thị Kim T nộp thay cho bị cáo Nguyễn Văn M theo biên lai thu số 0003537 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Tiền Giang.

Buộc bị cáo Lê Quang T1 nộp 40.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính.

- Trả lại cho anh Hồ Văn S 01 (một) xe mô tô biển số 63B3-773.86 (thu của Hồ Văn Q).

- Trả lại cho chị Bùi Thị Diễm T5 01 (một) xe mô tô biển số 63B2-568.09 (thu của Nguyễn Trường Kh).

- Trả lại cho bị cáo Phạm Kiều D 01 xe mô tô biển số 94D1-419.89, 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri: C39RD1N5GRX4.

- Trả lại cho anh Lê Văn Minh D101 xe mô tô biển số 63B2-789.20 (thu của Nguyễn Văn H).

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thị Trúc A 01 xe mô tô biển số 63B2-793.20, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, số seri G6TVP5NHJCL6.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Anh T 01 điện thoại di động hiệu Mobell, màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Võ Hoàng Minh Đ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu bạc, số IMEI: 359929/07/218308/7, số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Nh 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại bàn phím số, số IMEI: 353149117823888.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trường Kh 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ - đen, số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đỏ, loại bàn phím số, số IMEI: 352879103090115.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số seri C39PHG6HG5MP.

- Trả lại anh Nguyễn Duy Ph 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng, số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trả lại anh Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động hiệu Samsung, loại cảm ứng, màu đen, số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Tạ Trung Tr số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T2 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Nh số tiền 51.000.000 đ (Năm mươi một triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Võ Kiều N số tiền 23.500.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T tỉnh Tiền Giang tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63H8-5110 (thu của Ngô Thành L1), 01 (một) xe mô tô biển số 59S1 – 810.73 (thu của Nguyễn Tuấn L2), 01 xe mô tô biển số 52N2-4049 (thu của Nguyễn Văn T6), 01 xe mô tô biển số 70K7-4020 (thu của Tạ Trung Tr), 01 xe mô tô biển số 51T8-2095 (thu của Nguyễn Văn T2), 01 xe mô tô biển số 63B9-991.39 (thu của Lê Quang T1), 01 xe mô tô hai bánh gắn biển số 51F9-0816, kiểu dáng Dream, màu xanh kèm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe (thu giữ của Lê văn C1), 01 xe mô tô hai bánh biển số 63V9-0363 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe (thu của Nguyễn Trúc P1), 03 (ba) điện thoại di động các loại chưa phân loại, chưa xác định được chủ sở hữu.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Tiền Giang).

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong các ngày từ 04 đến 16 tháng 8 năm 2022, các bị cáo các bị cáo Võ Văn C, Lê văn C1, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A có đơn kháng cáo về phần hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số: 90/2022/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang, đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1; cho các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê văn C1, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A được giảm hình phạt đến mức nhẹ nhất và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn C, Lê văn C1, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Châu T đã nêu. Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo rất ăn năn, hối hận đối với hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo Ngô Thành L1, Nguyễn Trúc P1, Phan Trung K1 hưởng án treo là không đúng, các bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên và mỗi lần phạm tội đều là tội nghiêm trọng nên đây là trường hợp không được hưởng án treo. Do đó, cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Lê Quang T1, giảm cho bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Võ Văn C, Lê Văn C1, Nguyễn Anh T, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A; hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Ngô Thành L1, Nguyễn Trúc P1, Phan Trung K1 giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang đã nêu. Các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Quốc T5, Hà Hữu T7, Lê Quang T1, Nguyễn Văn M, Phạm Kiều D, Tạ Trung Tr, Nguyễn Anh T, Lê Văn C1, Hồ Văn Q, Ngô Thành L1, Phan Trung K1, Nguyễn Trúc P1, Nguyễn Văn T6 tổ chức sới bạc cá cược thắng thua bằng tiền dưới hình thức tài xỉu. Sới bạc do các bị cáo tổ chức được tổ chức ở các địa điểm khác nhau tại xã Bàn L và xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang; diễn ra liên tục trong 07 ngày từ ngày 28/01/2021 đến ngày 03/02/2021.

Số tiền thu lợi bất chính từ sới bạc có được thông qua tiền bảo, tiền ca: 1.576.300.000 đồng (thực lãi: 591.000.000 đồng) và tiền bán số: 289.400.000 đồng (thực lãi: 139.700.000 đồng). Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo gồm Huỳnh Vũ L, Võ Hoàng Minh Đ1 và Nguyễn Văn H tổ chức để các con bạc đặt cược, với số tiền đánh bạc thu giữ trên chiếu bạc tại thời điểm bắt quả tang là 104.959.000 đồng. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Hoàng H3, Nguyễn Văn Ng, Trần H2, Nguyễn Văn T2 mặc dù biết rõ các bị can tổ chức sới bạc thắng thua bằng tiền trái pháp luật nhưng vẫn đồng ý cho sới bạc được tổ chức trên phần đất do các Bị cáo H3, Ng, H2, T2 đang quản lý, để thu lợi bất chính. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tội “Gá bạc” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo tham gia đánh bạc ở ca tài xỉu do bị cáo L làm cái gồm các bị cáo: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Trường Kh, Bùi Thị Trúc A, Võ Kiều N và nhiều đối tượng khác không rõ lai lịch đã ra về trước đó. Số tiền tang vật thu giữ trên chiếu bạc là 104.959.000 đồng. Hành vi

này của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1, Lê văn C1 về tội “Tổ chức đánh bạc”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Bùi Thị Trúc A, Võ Kiều N về tội đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét thấy, hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, là một trong những tệ nạn xã hội, gây tác động xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức biết được việc tổ chức đánh bạc, gá bạc và đánh bạc thắng thua bằng tiền là hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo đã cố ý thực hiện, nhằm có tiền tiêu xài không qua lao động, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và nhằm răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Võ Văn C, Lê văn C1, Nguyễn Anh T, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A thấy rằng khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm đối với xã hội do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra; cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ và có xét nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Lê Quang T1 có nộp bổ sung biên lai nộp tiền thu lợi bất chính số 0003904 ngày 28/9/2022 của Cục Thi hành án tỉnh Tiền Giang; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 cung cấp xác nhận chồng bị cáo ông Bùi Anh T là Bộ đội phục vụ chiến trường Campuchia; bị cáo Nguyễn Văn H được Ủy ban nhân dân phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang xác nhận chấp hành tốt pháp luật ở địa phương; bị cáo Võ Kiều N cung cấp xác nhận cha bị cáo ông Võ Văn C là Thương binh 4/4, mẹ bị cáo bà Lê Thị M tham gia cách mạng phục vụ công tác dân công hỏa tuyến, bác ruột bị cáo ông Võ Ngọc Th là Liệt sĩ; bị cáo Nguyễn Thị Nh bổ sung cha bị cáo ông Phan Văn M là Liệt sĩ; các bị cáo Lê văn C1, Nguyễn Thị Đ và Bùi Thị Trúc A là lao động chính trong gia đình, trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ mất sức lao động.

[3.1]. Xét đối với các bị cáo Võ Văn C là người cầm đầu, chủ mưu; bị cáo Nguyễn Anh T đã được cấp sơ thẩm xem xét tuyên phạt mức hình phạt tương xứng, các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3.2]. Xét đối với bị cáo Lê Quang T1, Lê văn C1 có vai trò như nhau là người giúp sức theo từng công việc khi được phân công. Bị cáo Công và các bị cáo khai các bị cáo T1 và C1 không thường xuyên mà khi có yêu cầu của C hay L2 thì các bị cáo mới tham gia, đôi khi không có hai bị cáo vẫn có người khác làm thay. Như

vậy, vai trò của các bị cáo Quang T1 và C1 giữ vai trò giúp sức nhưng cũng không đáng kể, thứ yếu. Hai bị cáo có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết như đã nộp tiền thu lợi chính, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét chấp nhận một phần kháng cáo cho các bị cáo hưởng mức án quy định khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự.

[3.3]. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết như đầu thú, có nhân thân tốt, chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, phạm tội lần đầu quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo chỉ giữ vai trò giúp sức, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo một năm tù là có phần nghiêm khắc nên cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo, giảm hình phạt cho bị cáo.

[3.4]. Đối với các bị cáo Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A có tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và nhiều tình tiết như có nhân thân tốt, chấp hành tốt pháp luật ở địa phương, phạm tội lần đầu, có người thân là người có công với cách mạng, các bị cáo là lao động chính, người trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ già quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có vai trò giúp sức thứ yếu, không có tình tiết tăng nặng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Các bị cáo đều đã bị tạm giam hơn 02 tháng cũng đã đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích và răn đe phòng ngừa chung. Các bị cáo chỉ vì ham lợi nên bị các đối tượng xấu rủ rê mới tham gia đánh bạc, các bị cáo chỉ tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ. Mục đích của các bị cáo là vì lợi ích vật chất nên cần xử phạt các bị cáo một khoản tiền tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[4]. Xét thấy bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho các bị cáo Ngô Thành L1, Nguyễn Trúc P1, Phan Trung K1 hưởng án treo là trái quy định. Do các bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên và mỗi lần phạm tội đều là tội nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự nên đây là trường hợp không được hưởng án treo. Như vậy, cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nhưng không thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự do không có kháng cáo và kháng nghị liên quan đến các bị cáo Luân, Phương, Kiên nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Ngô Thành L1, Nguyễn Trúc P1, Phan Trung K1 giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

[6.1]. Các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng.

[6.2]. Các bị cáo Lê văn C1, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Anh T; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Quang T1, Lê văn C1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A; Hủy một phần, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/HSST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Võ Văn C, Lê Quang T1, Nguyễn Anh T, Lê văn C1, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A, phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử:

- Phạt bị cáo Võ Văn C 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam là ngày 02/3/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử:

- Phạt bị cáo Nguyễn Anh T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 08/02/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 ; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử:

- Phạt bị cáo Lê văn C1 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 06/5/2021.

- Phạt bị cáo Lê Quang T1 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 26/8/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử:

- Phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/3/2021 đến 07/8/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

- Xử:

- Phạt bị cáo Võ Kiều N số tiền 50.000.000 đồng.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H1 số tiền 50.000.000 đồng.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh số tiền 50.000.000 đồng.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 50.000.000 đồng.

- Phạt bị cáo Bùi Thị Trúc A số tiền 50.000.000 đồng.

Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 90/2022/ HS-ST ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang đối với các bị cáo Phan Trung K1, Ngô Thành L1, Nguyễn Trúc P1, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đối với các bị cáo K1, L1, P1.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2.1. Các bị cáo Võ Văn C, Nguyễn Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

2.2. Các bị cáo Lê văn C1, Lê Quang T1, Nguyễn Văn H, Võ Kiều N, Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Nh, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thị Trúc A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện Châu T;
- VKSND huyện Châu T;
- Công an huyện Châu T;
- THADS huyện Châu T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Tính